

Số: 01/2021/QĐST-HNGĐ

Yên Lạc, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Duy Hưng

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Thúy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Xuân – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-VDS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-VDS ngày 16 tháng 4 năm 2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đại Văn H, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th –Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và những lời khai tiếp theo bà Trương Thị Tr trình bày:

Bà có con trai là Đại Văn H, sinh ngày 02/10/1994 nhưng trong quá trình làm hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân đã ghi nhầm ngày sinh của anh H là

25/8/1994. Do bà thường xuyên đi làm ăn xa nên bà cũng không chú ý đến việc nhầm lẫn này.

Đến ngày 28/8/2013 anh H đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 17/3/1992. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H dùng chứng minh thư nhân dân số 135.736.684 được Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 05 tháng 11 năm 2011 có ngày sinh là 25/8/1994 để làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được đăng ký kết hôn số 58/2013 quyển số 01/2012 tại UBND xã Đ. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H được 19 tuổi 03 ngày.

Sau khi kết hôn với chị Th, anh H làm hồ sơ để đi làm việc thì mới phát hiện ngày sinh trong giấy tờ bị sai và đi làm lại, đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc cấp lại giấy khai sinh ngày 02/10/1994 và đi làm các thủ tục giấy tờ hành chính như trong giấy khai sinh là ngày 02/10/1994.

Đến nay anh H và chị Th có mâu thuẫn không thể chung sống cùng nhau được nữa có nguyện vọng làm đơn ly hôn thì được biết tại thời điểm đăng ký kết hôn anh H chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H và chị Th thống nhất trình bày:

Anh chị kết hôn với nhau ngày 28 tháng 8 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh H xuất trình được giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thể hiện anh H sinh ngày 25 tháng 8 năm 1994. Tuy nhiên, thực tế anh H sinh ngày 02 tháng 10 năm 1994. Do không hiểu biết nên anh cũng không để ý đến sự nhầm lẫn trong các giấy tờ của mình.

Quá trình chung sống, giữa chị Th và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Anh H và chị Th đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 11/2019 cho đến nay. Cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Tr.

Về con chung: Anh H, chị Th đều thống nhất có 01 con chung là Đại Hùng M, sinh ngày 19/02/2014. Quá trình giải quyết, anh H và chị Th thống nhất thỏa thuận chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/1 tháng, kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Anh H, chị Th không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ người đại diện ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ủy ban nhân dân xã Đ giữ nguyên nội dung đã cung cấp cho Tòa án vào ngày 01/4/2021, cụ thể:

Ngày 28 tháng 8 năm 2013, Ủy ban nhân dân xã Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th. Sau khi kiểm tra tờ khai và giấy tờ do anh H, chị Th cung cấp thấy hợp lệ, đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 do thời điểm đó anh H xuất trình chứng minh nhân dân 135736684 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 05.11.2011, thể hiện anh H sinh ngày 25/8/1994. Do đó, UBND xã Đ tiến hành đăng ký kết hôn cho anh H và chị Th và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2013, quyển số: 01/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại Thôn Ch, xã Đ, huyện Yên Lạc, đến khoảng cuối năm 2019 thì anh H không ở cùng gia đình chị Th nữa. Việc anh H có sự thay đổi ngày tháng năm sinh từ ngày 25/8/1994 sang ngày 02/10/1994 UBND xã Đ cũng được biết thông tin do Công an xã Đ cung cấp, tuy nhiên cụ thể như thế nào thì UBND xã Đ không được biết. Đến nay, bà Tr yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th. Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm:

Đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên họp căn cứ khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 2 Điều 10, các Điều 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 29, Điều 361 và Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Tr, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th. Về con chung: Giao cháu Đại Hùng M, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/ 1 tháng, kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu M đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức: Anh H, chị Th không yêu cầu giải quyết.

Về lệ phí: Bà Tr không phải chịu lệ phí Tòa án nên trả lại cho bà Tr số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có đơn yêu cầu là bà Trương Thị Tr mẹ đẻ của anh Đại Văn H yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị Th vì thời điểm đăng ký kết hôn anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Anh H, chị Th có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Yên Lạc, cơ quan đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân xã Đ nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Trương Thị Tr:

Anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 28/8/2013 nên Tòa án sẽ áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu được thu thập trong hồ sơ như Giấy khai sinh số 81/2001 do UBND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cấp lại ngày 25/9/2013, xác minh tại UBND thị trấn Yên Lạc, Trạm y tế thị trấn Yên Lạc và các tài liệu khác xác định:

Anh Đại Văn H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1994, thời điểm anh H kết hôn với chị Th vào ngày 28/8/2013, anh H mới được 18 tuổi, 10 tháng và 26 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tính đến thời điểm hiện tại, anh H, chị Th đã đủ tuổi kết hôn. Quá trình chung sống, anh H, chị Th có nhiều mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân với nhau đồng thời anh chị đều đồng ý với yêu cầu của bà Tr, thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị Th, chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị Th về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc: Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh H xuất trình CMTND thể hiện ngày sinh của anh là ngày 25/8/1994, UBND xã Đ xác định anh H đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, việc

chứng nhận kết hôn của UBND xã Đ là đúng thẩm quyền và không vi phạm về đăng ký kết hôn

[4] Về lệ phí: Bà Trương Thị Tr không phải chịu lệ phí yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tại phiên họp có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà Trương Thị Tr.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013 ngày 28/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đại Văn H và chị Nguyễn Thị Th:

Về con chung: Giao cháu Đại H M, sinh ngày 19/02/2014 cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 04 năm 2021. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đại Văn H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trương Thị Tr không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Trả lại bà Tr 300.000 đồng tiền tạm

ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000234 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc từ ngày quyết định được niêm yết.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Duy Hưng